

CTCP Lilama 10 (HSX: L10)

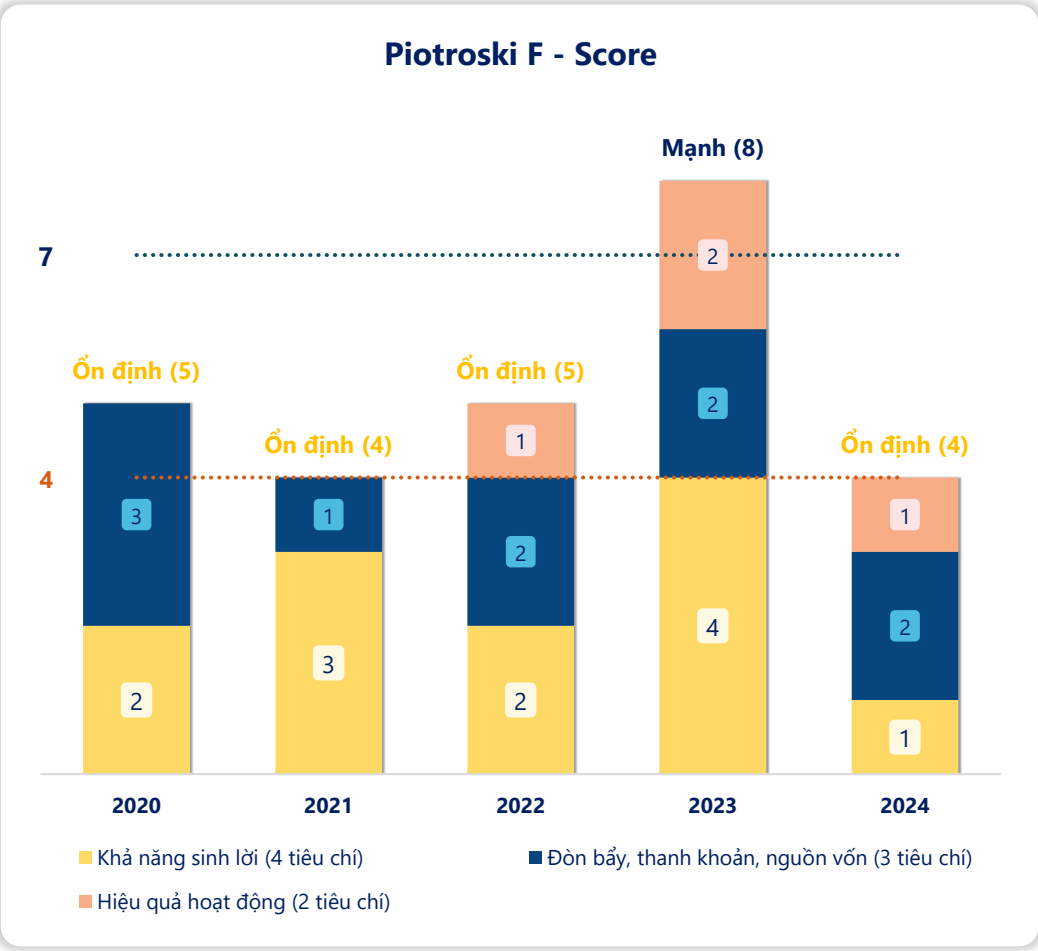
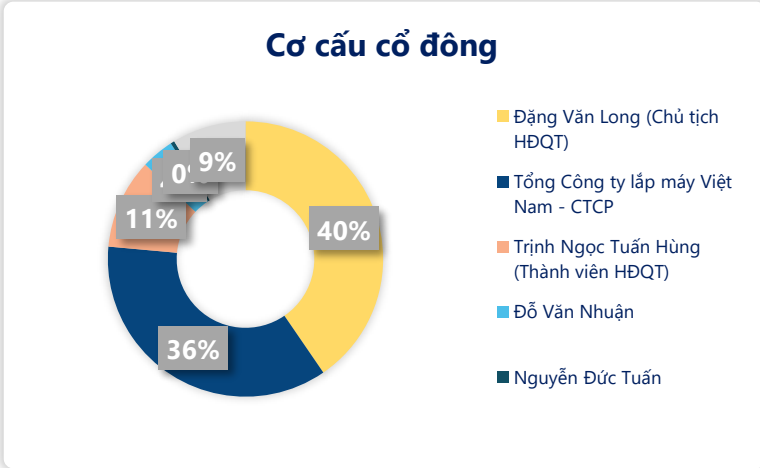
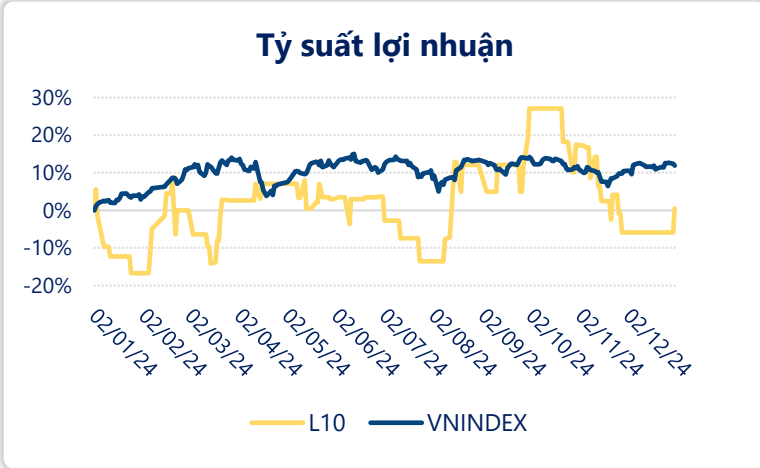
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	20,400 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.8%	-20.9%	3.3%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	4/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024
1,073	YoY
tỷ VNĐ	▲ 25.0
	▲ 2.4%

LN sau thuế	2024
27.6	YoY
tỷ VNĐ	▲ 1.70
	▲ 6.4%



Năm 2024, F-Score của L10 đạt 4/9 thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "Ổn định".

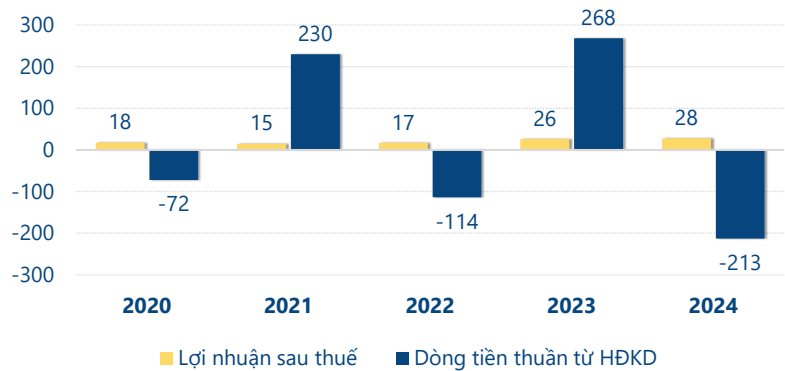
Trong đó, khả năng sinh lời giảm xuống còn 1/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không thay đổi vẫn ở mức 2/3 điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, kém hơn so với năm trước chỉ đạt 1/2 điểm.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

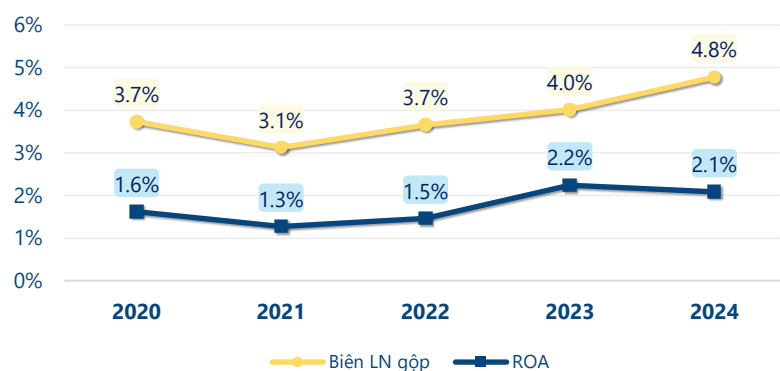
CTCP Lilama 10 (HSX: L10)

tỷ VNĐ

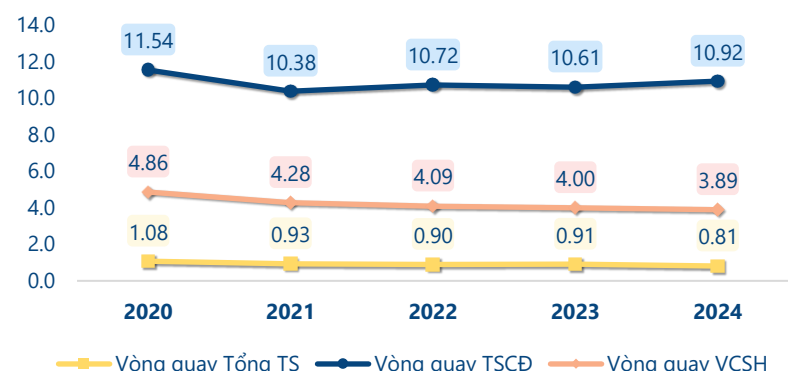
Đánh giá lợi nhuận, dòng tiền



Tỷ suất lợi nhuận

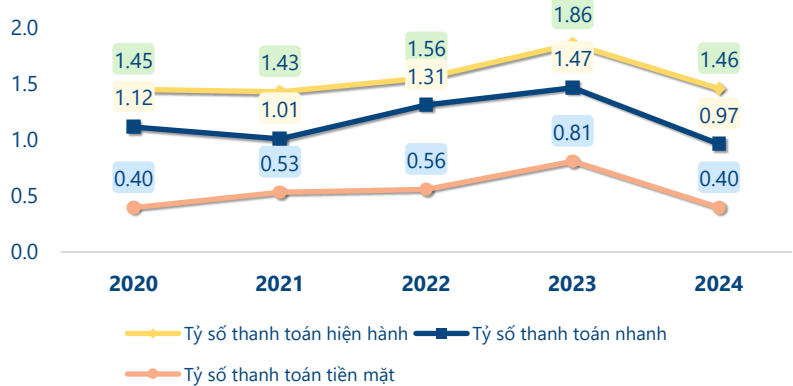


Vòng quay tài sản

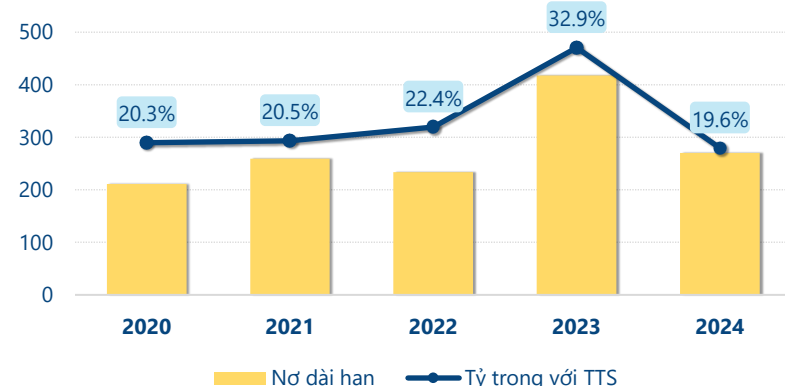


Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **L10**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.

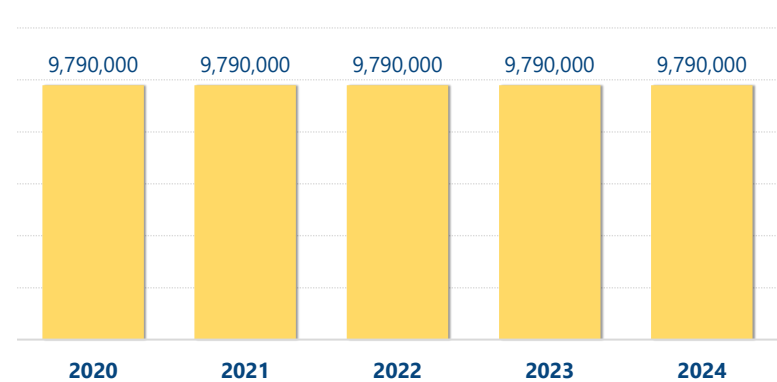
Chỉ số thanh khoản



Nợ dài hạn



Số lượng cổ phiếu lưu hành



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,380	1,267	8.9%
Tài sản ngắn hạn	1,207	1,080	11.7%
Tiền và tương đương tiền	328	471	-30.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.3	50.0	-11.4%
Phải thu ngắn hạn	417	320	30.5%
Hàng tồn kho	409	228	79.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.55	11.7	-27.2%
Tài sản dài hạn	173	187	-7.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	93.3	103	-9.6%
Bất động sản đầu tư	53.3	55.4	-3.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	26.3	28.3	-7.1%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,097	999	9.8%
Nợ ngắn hạn	827	581	42.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	170	101	68.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	231	187	23.9%
Nợ dài hạn	270	417	-35.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.20	4.00	-45.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	283	269	5.3%
Vốn chủ sở hữu	283	269	5.3%
Vốn điều lệ	98.9	98.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1,201	1,072	1,036	1,048	1,073
Giá vốn hàng bán	1,156	1,038	998	1,006	1,022
Lợi nhuận gộp	44.8	33.5	37.9	42.1	51.3
Doanh thu HĐTC	2.01	0.35	7.87	15.7	16.9
Chi phí TC	8.21	14.1	7.74	8.37	8.86
Chi phí lãi vay	8.13	8.60	6.83	8.30	8.85
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	17.1	9.28	19.5	21.6	28.3
LN thuần từ HĐKD	21.5	10.5	18.5	27.8	31.0
Lợi nhuận khác	0.67	9.32	1.19	2.26	0.55
LN trước thuế	22.2	19.8	19.7	30.0	31.5
Lợi nhuận sau thuế	18.1	14.7	16.8	25.9	27.6
LNST của CĐ cty mẹ	18.1	14.7	16.8	25.9	27.6

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-72.1	230	-114	268	-213
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.2	-9.66	-7.74	-69.1	-0.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.80	-45.7	27.9	-46.8	57.7
Tiền đầu kỳ	306	230	401	311	471
Lưu chuyển tiền thuần	-77.5	175	-93.7	152	-156
Ảnh hưởng tỷ giá	1.55	-3.56	2.93	8.05	12.2
Tiền cuối kỳ	230	401	311	471	328